

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2019

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thị Phương Nhi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Học

2. Ông Hồng Chí Danh

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị Trúc G, sinh năm 1995. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* anh Đào Minh M, sinh năm 1995. (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 5 năm 2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi Thị Trúc G trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Minh M cưới nhau năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 06/3/2015. Sau khi cưới chị mang thai rồi sinh con nên chỉ ở nhà chăm sóc con cái, anh M thì phụ giúp gia đình. Đến cách nay khoảng 2 năm, anh M đi làm ở Thành phố

Hồ Chí Minh, thời gian đầu anh M có gửi tiền về phụ nuôi con và thỉnh thoảng 1 đến 2 tháng có về nhà một lần để thăm vợ con. Tuy nhiên, đi làm được một thời gian thì anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên đi khoảng một năm không về nhà cũng không chủ động liên lạc hỏi thăm, không quan tâm đến vợ con. Chị đã nói chuyện trao đổi với anh M và cho anh M cơ hội nhiều lần nhưng anh M vẫn không sửa đổi. Từ tháng 3/2019, chị đưa 02 con về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh M không đến thăm con cũng không điện thoại hỏi thăm. Chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh M không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống với anh M được nữa, do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh Đào Minh M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đào Bùi Minh T, sinh ngày 02/7/2015 và Đào Bùi Minh K, sinh ngày 05/10/2017, từ lúc vợ chồng sống ly thân 02 con chung sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng theo quy định pháp luật. Hiện nay công việc của chị là làm nhân viên dịch vụ chăm sóc sắc đẹp tại huyện B thu nhập 5.000.000 đồng/tháng, trong thời gian đi làm chị nhờ mẹ ruột hỗ trợ chăm sóc 02 con, do điều kiện đi lại gần nhà nên chị có thể về chăm sóc con thường xuyên.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

*- Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Đào Minh M trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và vợ là chị Bùi Thị Trúc G tự nguyện kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B ngày 06/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, anh đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn vợ ở nhà chăm sóc con cái. Thời gian đầu đi làm anh gửi tiền về cho vợ nuôi con và thỉnh thoảng cũng về nhà thăm vợ con. Nhưng từ sau tết âm lịch 2019, anh đổi công việc, do chưa có việc làm nên không có tiền, vì vậy suốt mấy tháng anh không gửi tiền về cho vợ nuôi con cũng không về nhà nhưng anh có kêu vợ bán 05 chỉ vàng cưới để lấy tiền nuôi con trong thời gian anh tìm việc mới. Tuy nhiên, vì lý do trên nên vợ anh sinh ra không tin tưởng đối với anh và cho rằng anh có người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, tình cảm rồi sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên có nói chuyện điện thoại nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Bản thân anh không muốn vợ chồng ly hôn, vì con còn nhỏ sẽ tổn thương con cái nhưng nay vợ anh kiên quyết ly hôn, không muốn vợ chồng hàn gắn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung là

Đào Bùi Minh T, sinh ngày 02/7/2015 và Đào Bùi Minh K, sinh ngày 05/10/2017. Từ lúc vợ chồng sống ly thân 02 con chung sống cùng chị G, khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là anh không đồng ý. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đào Bùi Minh T và anh tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi cháu T. Anh đồng ý để con chung Đào Bùi Minh K cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Hiện nay anh đang đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, công việc của anh là làm nhân viên dịch vụ thu nhập không ổn định nhưng dao động từ 7.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng được nghỉ 1 – 2 ngày. Nếu anh được nuôi dưỡng cháu T thì anh sẽ nhờ cha mẹ ruột chăm sóc nuôi dưỡng, hàng tháng anh sẽ về thăm con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: chị G và anh M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B ngày 06/3/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh M là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng hai bên không hòa giải để dung hòa được với nhau. Tại phiên tòa, chị G cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống với anh M nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M và anh M cũng đồng ý ly hôn với chị G. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị Trúc G ly hôn với anh Đào Minh M.

Về con chung: chị G và anh M có 02 con chung là Đào Bùi Minh T, sinh ngày 02/7/2015 và Đào Bùi Minh K, sinh ngày 05/10/2017. Nhận thấy, chị G và anh M đều có khả năng kinh tế để nuôi con chung nhưng từ lúc vợ chồng sống ly thân 02 con chung sống cùng chị G và trong thời gian con chung sống cùng chị G anh M không liên lạc thăm hỏi con cũng không đến thăm con lần nào. Và hiện nay công việc của anh M mỗi tháng chỉ được nghỉ 1 – 2 ngày nên ít có thời gian để quan tâm chăm sóc con. Do đó, nhận thấy việc để cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp hơn anh M, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng 02

con chung của chị G. Do anh M không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 745.000 đồng/1 cháu đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: chị Bùi Thị Trúc G và anh Đào Minh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 06 tháng 3 năm 2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh M là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị G và anh M đều xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và tiền bạc nhưng vợ chồng không hòa giải để dung hòa được với nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Và từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh M và chị G không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Chị G cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống với anh M nên kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Và tại phiên tòa, anh M cũng cho rằng chị G đã kiên quyết ly hôn, hôn nhân của anh và chị G không còn khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị G. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị G và anh M đã trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên xét thấy yêu cầu của chị G xin ly hôn với anh M là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Đào Bùi Minh T, sinh ngày 02/7/2015 và Đào Bùi Minh K, sinh ngày 05/10/2017.

Xét thấy, hiện nay cháu Minh T vừa được 4 tuổi, cháu Minh K chưa được 2 tuổi nên còn rất nhỏ. Về điều kiện kinh tế thì hiện nay chị G và anh M đều có việc làm, có thu nhập để nuôi con. Về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì thấy rằng, mặc dù sau khi ly hôn cả chị G và anh M đều phải đi làm để kiếm tiền nuôi con nên con chung đều phải nhờ ông bà hỗ trợ trông nom, chăm sóc. Tuy nhiên, xét thấy ngay từ nhỏ cháu T, cháu K đều do chị G chăm sóc, nuôi dưỡng và từ khi vợ chồng sống ly thân cả 02 cháu đều sống cùng chị G nên 02 cháu sẽ thân thiết với mẹ hơn. Bên cạnh đó, công việc hiện nay của chị G làm ở gần nhà nên có nhiều thời gian để gần gũi trong nom, chăm sóc con. Mặt khác, khi vợ chồng còn chung sống với nhau

thì anh M đã ít về nhà thăm con và từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh M chưa đến thăm con lần nào. Và hiện nay công việc của anh M mỗi tháng chỉ được nghỉ 1 – 2 ngày nên sẽ ít có thời gian để trông nom, chăm sóc con hơn chị G. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung của chị G là có căn cứ phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Minh T của anh M không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh M không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi tháng 745.000 đồng/1cháu đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2019.

[3] Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị Trúc G phải nộp; án phí cấp dưỡng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Đào Minh M phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Bùi Thị Trúc G ly hôn với anh Đào Minh M.

2. Về con chung: chị Bùi Thị Trúc G có quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đào Bùi Minh T, sinh ngày 02/7/2015 và Đào Bùi Minh K, sinh ngày 05/10/2017.

Anh Đào Minh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 745.000đ/1 cháu (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên một cháu) cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2019.

Anh Đào Minh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị Trúc G phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004812 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ thì án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị G đã nộp xong.

- Án phí cấp dưỡng: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Đào Minh M phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

6. T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện Ba Tri;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Phương Nhi**